

DỰ THẢO ÁN LỆ SỐ 39/2026
ÁN LỆ SỐ .../2026/AL¹

Về tội sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh

Được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua vào ngày... tháng... năm 2026 và được công bố theo Quyết định số .../QĐ-CA ngày... tháng... năm 2026 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Nguồn án lệ:

Bản án sơ thẩm số 62/2023/HSST ngày 28-02-2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về vụ án hình sự “*Sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh*” đối với bị cáo Nguyễn Đức T, Dương Quốc C, Nguyễn Thị Kim T1.

Vị trí nội dung án lệ:

Đoạn 8 và 20 phần “*Nhận định của Tòa án*”.

Khái quát nội dung của án lệ:

- *Tình huống án lệ:*

Bị cáo không bàn bạc, thỏa thuận với các bị cáo khác về quy trình, cách thức sản xuất, buôn bán thuốc tân dược giả nhưng in và cung cấp tem, nhãn, bao bì cho các bị cáo này để sản xuất thuốc tân dược giả thành phẩm.

- *Giải pháp pháp lý:*

Trường hợp này, Tòa án phải xác định bị cáo phạm tội “*Sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc phòng bệnh, thuốc chữa bệnh*” với vai trò là người giúp sức.

Quy định của pháp luật liên quan đến án lệ:

- Khoản 3 Điều 17, Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024 và 2025);

- Điều 21 Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in.

Từ khóa của án lệ:

“*Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh*”; “*Đồng phạm*”; “*Người giúp sức*”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 09 giờ 20 phút ngày 20/8/2021, T sử dụng xe mô tô biển số 51R7-40xx, chở 150 hộp thuốc tân dược, giả nhãn hiệu Terpincodein của Công ty USA-NIC Pharmaceutical, địa chỉ Lô 11D, đường C, KCN A, TP. Hồ Chí Minh đưa đi

¹ Dự thảo án lệ này do Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học Tòa án nhân dân tối cao đề xuất.

tiêu thụ, bị Tổ công tác của Phòng Cảnh sát Kinh tế Công an TP. Hồ Chí Minh phát hiện bắt quả tang, thu giữ tang vật và phương tiện.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Đức T, tại địa chỉ số 63/14/19 đường S, phường M, quận P, TP. Hồ Chí Minh, Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ, gồm: 100 vỉ Neo-Codien; 200 viên thuốc thành phẩm nhãn hiệu Fugacar; 100 lọ thuốc Staragan 500 loại 200 viên/lọ; 50 lọ thuốc Staragan đã bóc nhãn hiệu; 05 lọ thuốc thành phẩm chứa viên nang, nhãn hiệu Dianfagic; 50kg vỏ hộp, tem, hướng dẫn sử dụng của các loại thuốc Terneurine H.500, Neutrivit 5000, Fugacar, Vincozyn, Neo-Tergynan, Tanganil 500mg, Neo-Codion, Dianfagic, Terpincodein; 02 máy ép nhiệt, 01 máy đóng date, 03 cây son, 2,5kg viên thuốc màu trắng không nhãn hiệu.

Khám xét khẩn cấp tại nhà của Dương Quốc C, địa chỉ số 231/40A5 đường L, phường X, quận Y, TP. Hồ Chí Minh, Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ, gồm: 40 hộp (loại 2 vỉ X 10 viên/hộp) thuốc thành phẩm nhãn hiệu Neo-Codion; 36 hộp (loại 10 vỉ X 4 viên/hộp) thuốc thành phẩm nhãn hiệu Efferalgan Codeine; 30 hộp (loại 2 vỉ X 7 viên/hộp) thuốc thành phẩm nhãn hiệu Augmentin; 150 hộp (loại 10 viên/hộp) thuốc thành phẩm nhãn hiệu Zinnat Tablets 500mg; 250 hộp (loại 06 ống/hộp) thuốc thành phẩm nhãn hiệu Laroscorbine; 45 hộp (loại 01 viên/hộp) thuốc thành phẩm nhãn hiệu Fugacar; 495 hộp (loại 12 ống/hộp) thuốc thành phẩm nhãn hiệu Becozyme; 30 hộp (loại 30 viên/hộp) thuốc thành phẩm nhãn hiệu Coversyl; 95 hộp (loại 04 ống/hộp) thuốc thành phẩm nhãn hiệu Terneurine; 1335 hộp (loại 06 ống/hộp) thuốc thành phẩm nhãn hiệu Vitamin C Kabi; 990 hộp (loại 12 ống/hộp) thuốc thành phẩm nhãn hiệu Vincozyn Plus; 30 hộp (loại 20 viên/hộp) thuốc thành phẩm nhãn hiệu Solupred; 2,5kg vỏ hộp thuốc nhãn hiệu Fugacar; 03kg vỏ hộp thuốc nhãn hiệu Becozyme; 01 kg vỏ hộp thuốc nhãn hiệu Neo-Codien; 01kg vỏ hộp thuốc nhãn hiệu Laroscorbine; 01kg vỉ nhựa; 01 chậu nhựa và 01 cái chần dùng để sản xuất thuốc tân dược giả.

Khám xét khẩn cấp nơi sản xuất in bao bì nhãn mác của Nguyễn Thị Kim T1 - Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn in H (gọi tắt là Công ty H), tại địa chỉ số 4, đường B, phường N, quận K, TP. Hồ Chí Minh, Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ, gồm: 01 ổ cứng (CPU) máy vi tính; 05 tem nhãn hiệu có tên Terpincodein; 04 tem nhãn hiệu có tên Dianfagic; 90 tem nhãn hiệu có tên Becozyme F0965; 60 tem nhãn hiệu có tên Becozyme F1142; 30 tem nhãn hiệu có tên Laroscorbine; 01 vỏ hộp có nhãn hiệu Becozyme. Đồng thời, Nguyễn Thị Kim T1 tự nguyện giao nộp một ổ cứng máy vi tính (CPU) có chứa dữ liệu liên quan đến việc in ấn bao bì cho Nguyễn Đức T.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Nguyễn Đức T khai nhận: T hành nghề buôn bán tự do các sản phẩm y tế tại chợ thuốc tây, quận Q, TP. Hồ Chí Minh từ năm 2016. Vào khoảng tháng 1/2020, một đối tượng tên T4 (không rõ lai lịch), sử dụng số điện thoại 09143856xx, chủ động liên lạc, đề nghị T mua các vỏ hộp, nhãn thuốc tân dược các loại và giao cho T4 tại tỉnh Tiền Giang thông qua chành xe D, địa chỉ 97B đường G, phường I, quận R, TP. Hồ Chí Minh. Sau đó, T đã liên hệ với Công ty H do Nguyễn Thị Kim T1 làm

giám đốc, đặt in bao bì, nhãn mác nhiều nhãn hiệu khác nhau giao cho T4, mỗi lần từ 5000 đến 10.000 bộ và được T4 trả công từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng. Do số lượng bao bì, nhãn mác Công ty H cung cấp có trừ hao, còn dư khoảng từ 300 đến 500 bộ nên T nảy sinh ý định sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc tân dược các loại mang các nhãn hiệu Terpincodein, Dianfagic, nhãn hiệu Fugacar, nhãn hiệu Neo-Codion và thuê Dương Quốc C sản xuất thuốc tân dược mang nhãn hiệu Laroscorbine, nhằm mục đích buôn bán, thu lợi bất chính cho cá nhân và đồng phạm.

Về cách thức sản xuất thuốc giả được thực hiện như sau:

- Đối với thuốc mang nhãn hiệu Terpincodein, T đến chợ thuốc quận Q mua thuốc của Công ty CP Dược Minh Hải (hàng thật) với giá 54.000đ/lo, sau đó tiến hành bóc vỏ tem nhãn của Công ty CP Dược Minh Hải và dán tem nhãn hiệu Terpincodein của Công ty USA-NIC Pharmaceutical, bán ra thị trường với giá 68.000đ/lo.

- Đối với thuốc mang nhãn hiệu Dianfagic, T đến chợ thuốc quận Q mua thuốc nhãn hiệu Staragan của Công ty CP Dược S.Pharm (hàng thật) với giá 50.000đ/hộp, sau đó tiến hành bóc nhãn, dán nhãn Dianfagic do Công ty CP Dược Minh Hải sản xuất, bán ra thị trường với giá 55.000đ/hộp.

- Đối với thuốc mang nhãn hiệu Fugacar, T mua viên nén màu trắng của một đối tượng tên V (không rõ lai lịch), với giá 800đ/viên, sau đó in chữ Fugacar bằng bản in lụa trên bao bì, rồi đưa thuốc vào bao bì, dùng máy ép nhiệt tạo thành thành phẩm, bán lại với giá 4.000đ/viên.

- Đối với thuốc mang nhãn hiệu Neo Cordion: T mua của một đối tượng tên N1 (không rõ lai lịch), gồm vỉ thuốc viên và vỏ hộp với giá 26.000đ/hộp, mang về, đưa vỉ thuốc vào hộp, tạo thành thuốc thành phẩm và bán ra với giá 32.000đ/hộp.

- Đối với thuốc mang nhãn hiệu Laroscorbine, T cung cấp cho C 1.000 hộp thuốc Vitamin C Kabi, tương đương 10 thùng thuốc và khoảng 1.300 bao bì tem nhãn hiệu Laroscorbine, để Dương Quốc C đóng thành phẩm và trả công là 400.000đ/thùng/100 hộp.

Số thuốc giả thành phẩm sau khi sản xuất, T bán trôi nổi trên thị trường, theo khai nhận của T, số tiền thu lợi bất chính khoảng 20.000.000 đồng. Bản thân T nhận thức được hành vi sản xuất, buôn bán thuốc tân dược giả là vi phạm pháp luật, vì cần tiền trả nợ nên thực hiện hành vi phạm tội.

Tại cơ quan điều tra, Dương Quốc C khai nhận: năm 2019, C cùng vợ là Trần Thị Linh T3, bán cà phê lẻ đường tại khu vực công viên Lê Thị Riêng, quận Q, Nguyễn Đức T và một người tên V1 (sử dụng số điện thoại 09320055xx), thường đến uống cà phê nên quen biết. Do có chạy thêm xe ôm công nghệ nên C được T và V1, thuê vận chuyển, giao thuốc tân dược các loại cho các khách hàng, cước phí được trả theo giá của xe ôm công nghệ. Từ tháng 6/2021, do dịch bệnh Covid-19, C không chạy xe ôm nữa nên liên hệ với T và V1 để tìm công việc làm thêm tại nhà.

Sau đó, T đưa 12 thùng (100 hộp/thùng) thuốc tân dược nhãn hiệu Vitamin C Kabi 500 mg/ml do Công ty CP Fresenins Kabi Việt Nam sản xuất cùng với tem nhãn bao bì thuốc hiệu Laroscorbine của Công ty Bayer do Pháp sản xuất, yêu cầu C bóc, tách nhãn hiệu của Công ty CP Fresenins Kabi Việt Nam, dán nhãn của Công ty Bayer để tạo thành thuốc thành phẩm và trả công cho C 400.000đ/thùng. Bản thân C đã làm, giao cho Nguyễn Đức T 02 thùng thành phẩm nhưng chưa nhận tiền công. Ngoài ra, đối với số thuốc, bao bì, nhãn mác mang nhãn hiệu Fugarca, do T đưa cho C để sản xuất thuốc giả nhưng chưa thực hiện xong thì bị phát hiện.

Trần Văn V1 giao cho C 1.000 hộp thuốc Vicozyn plus do Công ty CP dược phẩm Vĩnh Phúc sản xuất và tem nhãn bao bì hiệu Becozyme do Bayer, Pháp sản xuất, yêu cầu C bóc, tách nhãn hiệu Công ty CP dược phẩm Vĩnh Phúc, dán nhãn hiệu Becozyme do Công ty Bayer, Pháp sản xuất để tạo thành thuốc tân dược thành phẩm, trả công cho C 400.000đ/thùng. C đã làm 04 thùng thành phẩm nhưng chưa giao cho V1. Ngoài sản xuất thuốc giả Becozyme do Công ty Bayer sản xuất, C còn nhận đóng gói (đưa thuốc thành phẩm vào thùng giấy) 03 sản phẩm thuốc nhãn hiệu Augmentin, Zinnat 500mg, Coversyl cho V1, không tính tiền công và nhận bảo quản thuốc thành phẩm, bao bì mang các nhãn hiệu còn lại là Neo-Codion, Efferagan, Temeurine, Solupred... nhưng chưa kịp giao cho V1 thì bị phát hiện.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Thị Kim T1 - Giám đốc Công ty H khai nhận: Nguyễn Đức T là khách hàng của Công ty H từ khoảng tháng 10/2020 đến nay. Quá trình giao dịch giữa hai bên, không ký kết hợp đồng. T là người trực tiếp liên hệ, gửi mẫu, đặt in tem, nhãn, vỏ hộp thuốc các loại gồm: tem và hộp Becozyme; nhãn dán Dianfagic; nhãn dán Terpincodein; tem và hộp Laroscorbine Vitamin C, Zinnat. T1 yêu cầu Trần Khánh T5 là nhân viên phụ trách thiết kế theo mẫu và liên hệ đặt bản kẽm bên ngoài, sau đó in tại xưởng in của Công ty H, theo số lượng T đặt (hiện các bản kẽm không còn lưu giữ); Phạm Thị Ngọc Q là người kiểm tra đơn hàng hóa để giao cho Nguyễn Đức T tại địa chỉ số 63/14/19 đường S, phường M, quận P. Ban đầu, nhiều nhân viên theo dõi đơn hàng của T. Từ cuối tháng 06/2021 đến nay, do T1 trực tiếp giao dịch, liên hệ với T về việc đặt, giao, nhận hàng. T thanh toán cho T1 trực tiếp bằng tiền mặt hoặc chuyển tiền vào tài khoản cá nhân số 8133xxxx mang tên Nguyễn Thị Kim T1 mở tại Ngân hàng ACB - Chi nhánh Sài Gòn. T1 thừa nhận, mặc dù biết theo quy định tại Điều 21 Nghị Định 60/2014/NĐ-CP ngày 19/06/2014 của Chính phủ, quy định đối với việc in bao bì, nhãn sản phẩm hàng hóa là dược phẩm, hóa dược, thuốc chữa bệnh, khi làm cần phải có giấy tờ chứng minh nguồn gốc hợp pháp, được cơ quan quản lý nhà nước về y tế có thẩm quyền cấp nhưng do bản thân chủ quan, mặt khác số lượng T đặt không nhiều nên không hỏi hay kiểm tra giấy tờ liên quan, không ký kết hợp đồng, không hóa đơn chứng từ. Đối với đơn hàng của Nguyễn Đức T, T1 là người quyết định, các nhân viên chỉ thừa hành làm theo, hưởng lương theo hợp đồng, không thu lợi bất chính gì, riêng T1 hưởng lợi bất chính số tiền khoảng 10.500.000 đồng. Ngày 08/12/2021, Trần Ngọc S - chồng của T1 đã tự nguyện nộp tiền thu lợi bất

chính là 10.500.000 đồng vào tài khoản tạm giữ của Phòng cảnh sát kinh tế - Công an TP. Hồ Chí Minh.

Tại bản cáo trạng số 480/CT-VKSTPHCM-P3 ngày 04/10/2022, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Nguyễn Đức T, Nguyễn Thị Kim T1 về tội: “Sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh” theo điểm a khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Bị cáo Dương Quốc C về tội: “Sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh” theo các điểm a, g khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Vy Thị Hồng N khai nhận: Khoảng tháng 12/2020 đến tháng 01/2021, N có phụ giúp T trong việc sản xuất thuốc tân dược giả nhãn hiệu Neo- Tergyman. Tuy nhiên, do mâu thuẫn nên N và T đã ly thân, N có biết việc T tiếp tục sản xuất thuốc tân dược giả nhưng không tham gia. Do giai đoạn này T chưa có căn cước công dân nên N cho T sử dụng tài khoản Ngân hàng mang tên N để giao dịch. N không biết và không giao dịch gì với đối tượng tên Trần Văn V1.

Trần Thị Linh T3 khai nhận: Bà T3 sống chung như vợ chồng với Dương Quốc C tại nhà 231/40A5 đường L, phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh, công việc của bà T3 là nội trợ cho gia đình. Khoảng tháng 7/2021, bà T3 có biết việc Dương Quốc C nhận gia công làm thuốc giả, bà T3 phản đối, không cho C làm nhưng do tình hình dịch bệnh khó khăn nên C vẫn thực hiện. C là người trực tiếp liên hệ với T nhà tại đường S, quận P để T giao các loại thuốc, tem nhãn hiệu Laroscobine và ống thuốc cho C trực tiếp đóng ống thuốc vào hộp thuốc giả để nhận tiền gia công. Các loại thuốc khác thì đã thành phẩm, C nhận sau đó mang đi giao hàng để hưởng tiền vận chuyển. Bà T3 không tham gia việc sản xuất, buôn bán thuốc giả của Dương Quốc C.

Dương Thị Thanh H khai nhận: Bà H có sống tại nhà 231/40A5 đường L, phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. Khoảng tháng 7/2021, bà H có thấy việc Dương Quốc C mang một số thuốc, tem, nhãn về nhà. Sau đó, lấy ống thuốc cho vào hộp đóng lại rồi cho hộp thuốc vào thùng. Bà H không biết Dương Quốc C đóng thuốc hiệu gì và không tham gia việc đóng thuốc cùng C.

Phạm Thị Ngọc Q khai nhận: Khoảng tháng 01/2021, Nguyễn Đức T có đặt in vỏ hộp thuốc nhãn hiệu Fugaca nhưng Nguyễn Thị Kim T1 - Giám đốc Công ty in ấn H không nhận đơn hàng nên T nhờ Q in giúp. Q liên hệ với người tên S2 có khả năng in ấn đặt 100.000 hộp giá 29.000.000 đồng, giao nhận hàng tại Công ty B, đường H, quận T.

Tại cơ quan Điều tra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Khánh T5 khai nhận: T5 là nhân viên Công ty TNHH in H. Theo yêu cầu của Nguyễn Thị Kim T1, T5 thực hiện việc thiết kế, dàn trang in các loại bao bì, nhãn mác vỏ hộp, tem nhãn thuốc tân dược giả hiệu Becozyme; Dianfagic; Terpincodein;

Laroscorbine Vitamin C, Zinnat. T5 không bàn bạc, thỏa thuận, giao dịch với Nguyễn Đức T, không hưởng lợi bất chính từ hành vi nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong phần tranh luận sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, hậu quả của tội phạm mà các bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự vẫn giữ nguyên nội dung truy tố các bị cáo Nguyễn Đức T, Dương Quốc C, Nguyễn Thị Kim T1 về tội: “Sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh”.

Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2, khoản 5 Điều 194; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo:

Nguyễn Đức T từ 08 năm đến 10 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/8/2021. Phạt bổ sung bị cáo số tiền 100 triệu đồng sung Ngân sách Nhà nước.

Áp dụng điểm a, g khoản 2, khoản 5 Điều 194; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo:

Dương Quốc C từ 08 năm đến 09 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/8/2021. Phạt bổ sung bị cáo số tiền 100 triệu đồng sung Ngân sách Nhà nước.

Áp dụng điểm a khoản 2, khoản 5 Điều 194; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo: Nguyễn Thị Kim T1 từ 05 năm đến 06 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/8/2021. Phạt bổ sung bị cáo số tiền 100 triệu đồng, sung Ngân sách Nhà nước. Cấm hành nghề hoạt động in ấn thời hạn 03 năm.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu, tiêu hủy toàn bộ hàng hóa là thuốc giả, vỏ hộp, tem nhãn các loại thuốc giả, các hộp thuốc tân dược không có hóa đơn, chứng từ, các công cụ phương tiện dùng để sản xuất thuốc giả.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước 02 điện thoại di động hiệu Samsung và 01 điện thoại di động hiệu Iphone thu giữ của các bị cáo và số tiền 30.500.000 đồng thu lợi bất chính của Nguyễn Đức T và Nguyễn Thị Kim T1.

Trả lại cho Vy Thị Hồng N 01 điện thoại di động hiệu Samsung.

Trả lại cho gia đình ông Vy Chiến T6 01 xe gắn máy biển số 51R7-40xx.

Bị cáo Nguyễn Đức T không tự bào chữa và không tham gia tranh luận.

Bị cáo Dương Quốc C đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo không giao hàng và không thu tiền cho T.

Luật sư Võ Tuấn A bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Kim T1 trình bày: Đồng ý về tội danh và điều khoản Viện kiểm sát truy tố với bị cáo. Về mức hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm tình tiết quá trình điều tra bị cáo đã tự nguyện giao nộp 01 điện thoại, 01 ổ cứng vi tính để phục vụ công tác điều tra là thể hiện thái độ tích cực hợp tác với cơ quan điều tra, bị cáo có chồng và bà ngoại là người có công với nước. Do đó, ngoài những tình tiết quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 mà Viện kiểm

sát đã ghi nhận, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, luật sư đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 quyết định mức hình phạt dưới khung liên kề đối với bị cáo T1.

Bị cáo Nguyễn Thị Kim T1 tranh luận, bị cáo không có hành vi buôn bán thuốc tây giả, mong Hội đồng xét xử xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát tranh luận: Cơ quan Điều tra đã tiến hành trích xuất dữ liệu điện tử từ tài khoản Zalo của bị cáo T thể hiện C nhiều lần giao hàng và thu tiền cho T do đó Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “Sản xuất, buôn bán hàng giả là thực phẩm” là đúng pháp luật. Đối với đề nghị của luật sư về việc áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo là không phù hợp. Tuy nhiên, do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, quyết định mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo T1.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo Nguyễn Đức T, Dương Quốc C xin được giảm nhẹ hình phạt để sớm hòa nhập xã hội. Bị cáo Nguyễn Thị Kim T1 xin được hưởng mức án thấp nhất để sớm được trở về với gia đình, điều trị bệnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát Điều tra - Công an Thành phố Hồ Chí Minh, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[4] Về nội dung, Hội đồng xét xử đánh giá như sau:

[5] Qua thẩm tra xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa được xác định phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản bắt quả tang; phù hợp với nội dung Bản kết luận giám định; Kết luận định giá, cùng các tài liệu chứng cứ khác do Cơ quan

điều tra thu thập được có trong hồ sơ của vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

[6] Bị cáo Nguyễn Đức T có hành vi tổ chức sản xuất, buôn bán thuốc tân dược giả nhãn hiệu Terpincodein, Dianfagic, Neo-Codion, Laroscorbine, Fugacar với cách thức, thủ đoạn phạm tội như sau: T trực tiếp đặt mua thuốc tân dược có thành phần hóa học cùng loại nhưng giá rẻ hơn tại Chợ thuốc quận Q hoặc thuốc tân dược trôi nổi, không rõ nguồn gốc xuất xứ của các đối tượng N1, V (không rõ lai lịch). Sau đó, T tiến hành bóc, gỡ nhãn mác, bao bì thuốc thật rồi dán tem, nhãn cho vào bao bì thuốc do Nguyễn Thị Kim T1 đã in trước đó, tạo thành hộp thuốc tân dược thành phẩm giả để bán cho các đối tượng không rõ lai lịch, thông qua các trang mạng xã hội thu lợi bất chính số tiền 20.000.000 đồng. Riêng thuốc giả hiệu Laroscobine và một phần thuốc giả hiệu Fugacar T thuê Dương Quốc C sản xuất với cách thức tương tự. Ngày 20/8/2021, Nguyễn Đức T đang vận chuyển 150 hộp thuốc tân dược giả nhãn hiệu Terpincodein tiêu thụ thì bị bắt giữ quả tang. Đồng thời, khám xét nơi ở của T thu giữ 100 vỉ thuốc nhãn hiệu Neo-Codion, 200 viên thuốc thành phẩm nhãn hiệu Fugacar, 05 lọ thuốc nhãn hiệu Dianfagic.

[7] Bị cáo Dương Quốc C có hành vi gia công, sản xuất thuốc tân dược giả nhãn hiệu Laroscobine, Fugacar cho Nguyễn Đức T; Gia công, sản xuất, nhận bảo quản và vận chuyển, giao nhận thuốc tân dược giả nhãn hiệu Becozyme, Neo-Codion, Zinnat cho đối tượng Trần Văn V1 để hưởng lợi bất chính. Ngày 20/8/2021, Cơ quan Công an tiến hành khám xét chỗ ở của bị cáo thu giữ 250 hộp (loại 06 ống/hộp) thuốc thành phẩm nhãn hiệu Laroscorbine; 45 hộp (loại 01 viên/hộp) thuốc thành phẩm nhãn hiệu Fugacar; 495 hộp (loại 12 ống/hộp) thuốc thành phẩm nhãn hiệu Becozyme; 40 hộp thuốc thành phẩm nhãn hiệu Neo-Codion; 150 hộp thuốc nhãn hiệu Zinnat Table 500mg.

[8] Bị cáo Nguyễn Thị Kim T1 có hành vi in ấn, cung cấp bao bì, tem nhãn, vỏ hộp thuốc nhãn hiệu Dianfagic, Terpincodein, Laroscorbine, Becozyme không đúng quy định của pháp luật về in ấn tại Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 cho Nguyễn Đức T, giúp sức cho T thực hiện hành vi sản xuất, buôn bán thuốc tân dược giả để hưởng lợi bất chính số tiền 10.500.000 đồng.

[9] Căn cứ Bản kết luận giám định số 1456/KL-KTHS ngày 28/3/2022 của Phân viện Khoa học Hình sự Bộ Công an, tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định mẫu thuốc Neo-Codion thu giữ của Nguyễn Đức T, Dương Quốc C có thành phần hóa học khác với mẫu thuốc cùng loại do Công ty TNHH Sở hữu Công nghiệp Sao Bắc Đẩu cung cấp. Mẫu thuốc Fugacar thu giữ của Nguyễn Đức T, Dương Quốc C và các mẫu thuốc Laroscorbine, Becozyme, Coversyl thu giữ của Dương Quốc C có thành phần hóa học giống với mẫu so sánh cùng loại do Công ty Bayer tại Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty TNHH Johnson & Johnson Việt Nam cung cấp nhưng khác hàm lượng.

[10] Căn cứ Bản kết luận giám định số: 1456/1/KL-KTHS ngày 11/3/2022 của Phân viện Khoa học hình sự Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định tem, nhãn vỏ hộp thuốc hiệu Terpincodein, Dianfagic thu giữ của Nguyễn Đức T và tem, nhãn vỏ hộp thuốc hiệu Becozyme, Laroscobine thu giữ của Dương Quốc

C so với tem nhãn, bao bì cùng loại thu giữ của Nguyễn Thị Kim T1 được in ra từ cùng bản in. Tem nhãn, bao bì thuốc hiệu Neo-Codion, Dianfagic, Fugacar, Laroscobine thu giữ của các bị cáo so với tem nhãn, bao bì cùng loại do hãng được cung cấp không được in ra từ cùng bản in.

[11] Căn cứ Bản kết luận giám định số: 3552/KL-KTHS ngày 06/7/2022 của Phân viện Khoa học hình sự Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định nhãn mác trên mẫu thuốc Zinnat Tablets 500mg thu giữ của Dương Quốc C so với nhãn mác do hãng được cung cấp là không cùng bản in.

[12] Tại Văn bản số 174/2021/SBĐ-CV ngày 15/9/2021 của Công ty TNHH Sở hữu Công nghiệp Sao Bắc Đẩu là đại diện ủy quyền của Boucchara- Recordati tại Việt Nam xác định mẫu thuốc Neo-condion mà Cơ quan Điều tra thu giữ của các bị cáo không phải là sản phẩm do Bouchara- Recordati sản xuất hoặc ủy quyền phân phối tại Việt Nam.

[13] Tại văn bản số VN-LTR-CQ-006-2021 ngày 24/8/2021 của Văn phòng đại diện Công ty Janssen-Cilag Limited là đơn vị đăng ký lưu hành thuốc Fugacar viên nén 500mg xác định mẫu thuốc mà Cơ quan Điều tra thu giữ của Dương Quốc C là hàng giả.

[14] Tại văn bản làm việc lập ngày 09/11/2021 với đại diện Công ty TNHH Dược phẩm USA-NIC xác định thuốc Terpincodein mà Cơ quan điều tra thu giữ là thuốc giả nhãn hiệu của Công ty TNHH Dược phẩm USA-NIC. Công ty không sản xuất và không nhận gia công nhãn hiệu thuốc Terpincodein cho bất kỳ đơn vị nào.

[15] Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 6857/KL-HĐ ĐGTS ngày 24/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xác định 150 lọ thuốc thành phẩm giả nhãn hiệu Terpincodein; 05 lọ thuốc thành phẩm chứa viên nang giả nhãn hiệu Dianfagic; 250 hộp thuốc thành phẩm giả nhãn hiệu Laroscorbine và 245 hộp thuốc thành phẩm giả nhãn hiệu Fugacar do Nguyễn Đức T sản xuất, buôn bán, trị giá tương đương với hàng thật là 54.955.767 đồng. Đồng thời, xác định 250 hộp thuốc thành phẩm giả nhãn hiệu Laroscorbine; 45 hộp thuốc thành phẩm giả nhãn hiệu Fugacar; 495 hộp thuốc thành phẩm giả nhãn hiệu Becozyme; 40 hộp thuốc thành phẩm giả nhãn hiệu Neo-Codion và 150 hộp thuốc giả nhãn hiệu Zinnat Table 500mg, do Dương Quốc C sản xuất, buôn bán, trị giá tương đương với hàng thật là 170.340.833 đồng.

[16] Như vậy, có đủ căn cứ xác định hành vi nêu trên của các bị cáo Nguyễn Đức T, Dương Quốc C, Nguyễn Thị Kim T1 đã phạm vào tội “Sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh”. Tội phạm và hình phạt quy định tại Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố là có căn cứ.

[17] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh thuốc chữa bệnh,

thuốc phòng bệnh; xâm phạm đến tính đúng đắn và tính hợp pháp của các tổ chức, đơn vị sản xuất, kinh doanh thuốc được Nhà nước bảo hộ; gây nguy hại đến sức khỏe và ảnh hưởng đến niềm tin của người bệnh, người tiêu dùng đối với các sản phẩm tân dược chính hãng. Các bị cáo là người trên 18 tuổi và không thuộc trường hợp không có năng lực trách nhiệm hình sự, hiểu rõ hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra nhưng vì ham lợi bất chính nên vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất và hậu quả của tội phạm mà các bị cáo đã gây ra.

[18] Xét tính chất đồng phạm và vai trò của các bị cáo trong vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy: Đây là vụ án đồng phạm do Nguyễn Đức T làm chủ mưu. Bị cáo T là người chủ động liên hệ bị cáo Nguyễn Thị Kim T1 và Phạm Thị Ngọc Q đặt in bao bì, tem, nhãn giả các thương hiệu thuốc Terpincodein, Neo-Codion, Dianfagic, Becozyme, Laroscobine, Fugacar giao cho đối tượng T4 để hưởng lợi bất chính. Số tem, nhãn bao bì thuốc giả còn lại bị cáo nảy sinh ý định sản xuất, buôn bán thuốc tân dược giả thành phẩm nên đã mua các thuốc tân dược trôi nổi trên thị trường có thành phần hóa học tương tự nhưng khác thương hiệu và thấp hơn về mặt giá cả rồi trực tiếp gia công thay thế tem nhãn, bao bì thuốc chính hãng bán với giá cao hơn để hưởng chênh lệch. Đồng thời, bị cáo là người thuê, cấp nguyên, vật liệu và phân công vai trò cho Dương Quốc C sản xuất, gia công thuốc giả nhãn hiệu Laroscobine, Fugacar. Xét thấy, quá trình thực hiện hành vi phạm tội giữa các bị cáo Nguyễn Đức T, Dương Quốc C có sự câu kết chặt chẽ trong việc cùng thực hiện hành vi phạm tội nên thuộc trường hợp “có tổ chức” là tình tiết định khung tăng nặng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do bị cáo Nguyễn Đức T giữ vai trò là người chủ mưu, cầm đầu nên cần nghiêm trị theo nguyên tắc xử lý người phạm tội theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 3 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[19] Bị cáo Dương Quốc C giữ vai trò là người thực hành, ngoài hành vi gia công thuốc tân dược giả nhãn hiệu Laroscobine, Fugacar cho Nguyễn Đức T như đã phân tích, C còn nhận gia công, bảo quản, vận chuyển thuốc tân dược giả nhãn hiệu Becozyme, Zinnat Tablet 500mg, Neo-Codion cho Trần Văn V1 nên ngoài tình tiết định khung “có tổ chức”, bị cáo còn phải chịu trách nhiệm đối với số lượng thuốc tân dược giả bị khám xét trị giá 170.340.833 đồng thuộc trường hợp “hàng giả tương đương với số lượng hàng thật trị giá từ 150.000.000 đồng trở lên” là tình tiết định khung tăng nặng tại điểm g khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[20] Bị cáo Nguyễn Thị Kim T1 giữ vai trò đồng phạm giúp sức với Nguyễn Đức T trong hành vi sản xuất, buôn bán thuốc tân dược giả nhãn hiệu Terpincodein, Dianfagic, Laroscobine. Hội đồng xét xử nhận thấy, mặc dù bị cáo Nguyễn Thị Kim T1 không bàn bạc, thỏa thuận với Nguyễn Đức T, Dương Quốc C về quy trình, cách thức sản xuất, buôn bán thuốc tân dược giả nhưng số tem, nhãn, bao bì mà Nguyễn Thị Kim T1 in và cung cấp cho Nguyễn Đức T là một bộ phận cấu thành nên thuốc tân dược giả thành phẩm mà T và C sản xuất. Mặt khác, bị cáo T1 đã nhiều lần nhận đặt in, sản xuất tem nhãn, bao bì thuốc tân dược giả

cho T. Mỗi lần T đặt hàng, T1 đều không yêu cầu cung cấp giấy tờ chứng minh nguồn gốc hợp pháp của thuốc mà chỉ đạo nhân viên thực hiện việc thiết kế, in ấn ngay theo yêu cầu của T nên giữa các bị cáo thể hiện sự thống nhất ý chí với nhau khi cùng thực hiện tội phạm. Do đó, bị cáo T1 phạm tội thuộc trường hợp “có tổ chức” là tình tiết định khung tăng nặng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tuy nhiên, quá trình lượng hình Hội đồng xét xử cũng cân nhắc, xem xét tính chất, vai trò đồng phạm của bị cáo T1 theo quy định tại Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[21] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đều có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu. Riêng bị cáo T1 có bà ngoại Ngô L là người có công với đất nước được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất, chồng là ông Trần Ngọc S được Nhà nước tặng Huân chương chiến công hạng nhất, Huy chương quân kỳ quyết thắng. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với các bị cáo.

[22] Đối với tình tiết bị cáo T đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính 20.000.000 đồng; bị cáo T1 đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính 10.500.000 đồng không thuộc trường hợp “người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) như lời đề nghị của Viện kiểm sát và luật sư bào chữa tại phiên tòa. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cân nhắc xem xét và áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[23] Đối với tình tiết bị cáo T1 nộp lại 01 điện thoại và 01 ổ cứng máy vi tính theo yêu cầu của Cơ quan Điều tra không thuộc trường hợp tích cực hợp tác trong quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm tranh luận của đại diện Viện kiểm sát, không áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo T1.

[24] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[25] Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, vai trò đồng phạm, đặc điểm nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã nêu, Hội đồng xét xử xét thấy cần quyết định mức phạt tù, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội. Đối với bị cáo Nguyễn Thị Kim T1, giữ vai trò đồng phạm thứ yếu trong vụ án, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quyết định mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Thị Kim T1 như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát đã trình bày tại phần tranh luận.

[26] Ngoài hình phạt chính, cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[27] Đối với Trần Văn V1 có liên quan đến hành vi sản xuất, buôn bán thuốc tân dược giả nhãn hiệu Bencozyme, Neo-Codion, Zinnat Tablets 500mg của bị cáo Dương Quốc C. Hiện V1 đã bỏ đi khỏi nơi cư trú nên Cơ quan Điều tra đã tách hành vi của Trần Văn V1 cùng tang vật liên quan để tiếp tục xác minh, truy tìm và làm rõ nếu đủ căn cứ sẽ xử lý trách nhiệm sau theo quy định của pháp luật.

[28] Đối với Phạm Thị Ngọc Q là người liên hệ với đối tượng S2 (không rõ lai lịch) để đặt in tem, vỏ hộp thuốc nhãn hiệu Fugaca, số lượng 100.000 hộp, giao nhận tại Công ty TNHH in ấn B, địa chỉ số 30 đường H, phường K, quận T. Quá trình xác minh tại địa chỉ trên không có Công ty TNHH in ấn B hoạt động từ tháng 10/2020 đến nay. Do không thu giữ được mẫu tem, bao bì thuốc từ Phạm Thị Ngọc Q và Công ty TNHH in ấn B nên không thể giám định so sánh mẫu thu của Nguyễn Đức T và Dương Quốc C. Cơ quan Cảnh sát Điều tra, Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã chuyển thông tin đến Phòng Cảnh sát Kinh tế Công an Thành phố Hồ Chí Minh để tiếp tục xác minh, làm rõ, khi đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

[29] Đối với các đối tượng T4, N1, V chưa rõ lai lịch là người đặt mua vỏ hộp, tem nhãn thuốc giả các nhãn hiệu và cung cấp thuốc tân dược không rõ nguồn gốc, xuất xứ cho Nguyễn Đức T để sản xuất thuốc tân dược giả. Cơ quan Cảnh sát Điều tra, Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã chuyển hồ sơ đến Phòng Cảnh sát kinh tế, Công an Thành phố Hồ Chí Minh để tiếp tục xác minh, làm rõ. Khi có đủ căn cứ sẽ tiến hành xử lý theo quy định của pháp luật.

[30] Đối với Trần Khánh T5 là người tiến hành thiết kế, dàn trang in các loại tem nhãn, bao bì thuốc giả cho Nguyễn Đức T. Quá trình điều tra xác định, T5 chỉ là nhân viên Công ty TNHH In ấn H, làm công và chịu sự chỉ đạo của bị cáo Nguyễn Thị Kim T1. T5 không tham gia bàn bạc, thỏa thuận và không hưởng lợi cá nhân trong giao dịch giữa T1 và T. Do đó, không đủ cơ sở để xử lý trách nhiệm hình sự đối với Trần Khánh T5.

[31] Đối với Vy Thị Hồng N có tham gia sản xuất thuốc tân dược giả nhãn hiệu Neo-Tergynan và cho Nguyễn Đức T sử dụng tài khoản Ngân hàng đứng tên Vy để giao dịch T giao dịch chuyển tiền với Trần Văn V1. Tuy nhiên, quá trình khám xét nơi ở của C và N không thu giữ vật chứng là thuốc tân dược nhãn hiệu Neo-Tergynan. Đồng thời, xác minh 02 giao dịch chuyển tiền qua lại giữa T và V1 qua tài khoản của Vy không thể hiện nội dung chuyển tiền. Hiện chưa truy tìm được V1 để làm rõ về khoản tiền này. Do đó, không đủ căn cứ để xử lý trách nhiệm của Vy Thị Hồng N trong vụ án.

[32] Đối với Dương Thị Thanh H, Trần Thị Linh T3 là người sống chung tại nhà 231/40A5 đường L, phường X, quận Y, TP. Hồ Chí Minh với Dương Quốc C, mặc dù biết C có hành vi sản xuất thuốc tân dược giả nhưng không tham gia và không liên quan đến hành vi phạm tội của C. Do đó, không đủ căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự đối với bà H, bà T3 và bà V2 trong vụ án này.

[33] Về xử lý vật chứng:

[34] Đối với 37 hộp thuốc thành phẩm nhãn hiệu Neo-Codion, xuất xứ Pháp; 30 vỉ thuốc thành phẩm nhãn hiệu Neo-Codion; 147 hộp thuốc thành phẩm nhãn hiệu Zinnat Tablets 500mg; 247 hộp thuốc thành phẩm nhãn hiệu Laroscorbine, xuất xứ Pháp; 37 hộp thuốc thành phẩm nhãn hiệu Fugacar, xuất xứ Bỉ; 492 hộp thuốc thành phẩm nhãn hiệu Becozyme, xuất xứ Pháp; 2,5kg vỏ hộp đề nhãn hiệu thuốc Fugacar; 03kg vỏ hộp đề nhãn hiệu thuốc Becozyme; 01kg vỏ hộp đề nhãn hiệu thuốc Neo-Codion; 01kg vỏ hộp đề nhãn thuốc Laroscorbine thu giữ của Dương Quốc C; 148 hộp thuốc tân dược thành phẩm nhãn hiệu Terpincodein của Công ty USA-NIC Pharma Co., LTD; 100 lọ thuốc nhãn hiệu Staragan 500; 50 lọ thuốc Staragan đã bóc nhãn hiệu; 05 lọ thuốc viên nang màu đỏ vàng thành phẩm, nhãn hiệu Dianfagic; 03 hộp son được niêm phong trong 01 thùng carton có chữ ký niêm phong của Điều tra viên và Nguyễn Đức T; 02 bản in lụa hiệu Fugaca; 50 kg vỏ hộp, tem, hướng dẫn sử dụng của các loại thuốc Terneurine H.500, Neutrivit 5000, Fugaca, Vicozyn, Neo-Tergynan, Tanginil 500mg, Neo-Codion, Dianfagic, Terpincodeine được niêm phong trong 11 thùng carton có chữ ký của Điều tra viên và Nguyễn Đức T; 2,5 viên thuốc màu trắng không nhãn hiệu thu giữ của bị cáo Nguyễn Đức T là thuốc tân dược giả thành phẩm; nguyên, vật liệu các bị cáo sử dụng sản xuất thuốc tân dược giả và vật không có giá trị sử dụng. Xét cần tịch thu tiêu hủy.

[35] Đối với 33 hộp thuốc thành phẩm nhãn hiệu Efferalgan Codeine; 27 hộp thuốc thành phẩm nhãn hiệu Augmentin; 27 hộp thuốc thành phẩm nhãn hiệu Solupred, xuất xứ Maroc thu giữ của bị cáo Dương Quốc C. C khai nhận số lượng thuốc tân dược trên do Trần Văn V1 giao cho C gia công, đóng gói, bảo quản, vận chuyển khi có yêu cầu. Xét, số thuốc tân dược trên là hàng hóa không rõ nguồn gốc, không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[36] Đối với xe mô tô biển số 51R7-40xx thu giữ của bị cáo Nguyễn Đức T. Kết quả giám định số khung, số máy nguyên thủy. Qua xác minh xe trên do ông Vy Chiến T6 đứng tên sở hữu. Ông T6 đã chết ngày 05/10/2020 nên không thể tiến hành ghi lời khai. Tại phiên tòa, bị cáo và Vy Thị Hồng N cùng khai nhận bị cáo là con rể của ông Vy Chiến T6 và là chồng của bà N, được giao sử dụng xe trên. Ngày 20/8/2021, bị cáo sử dụng xe trên làm phương tiện giao thuốc tân dược giả nhãn hiệu Terpincodein cho khách thì Cơ quan Công an kiểm tra, bắt quả tang. Xét, xe trên được bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

[37] Đối với 02 máy ép nhiệt, 01 máy đóng date; 01 điện thoại di động hiệu Samsung thu của Nguyễn Đức T, 01 ổ cứng máy vi tính; 01 điện thoại Iphone, thu giữ của Nguyễn Thị Kim T1; 01 điện thoại di động hiệu Samsung thu giữ của Dương Quốc C là công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng liên lạc để thực hiện hành vi phạm tội. Xét cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

[38] Đối với số tiền 20.000.000 đồng do người nhà bị cáo Nguyễn Đức T nộp, số tiền 10.500.000 đồng do người nhà bị cáo Nguyễn Thị Kim T1 nộp là tiền thu lợi bất chính của các bị cáo. Xét cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

[39] Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung thu giữ của Vy Thị Hồng N là tài sản hợp pháp của bà N không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo. Xét cần trả lại tài sản trên cho bà N.

[40] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định tại Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2, khoản 5 Điều 194; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 58; Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 07 (bảy) năm tù “Sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh”. Thời hạn tù tính từ ngày 20/8/2021.

Phạt bổ sung bị cáo số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng sung Ngân sách Nhà nước.

Căn cứ điểm a, g khoản 2, khoản 5 Điều 194; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Dương Quốc C 07 (bảy) năm tù về tội “Sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh”. Thời hạn tù tính từ ngày 21/8/2021.

Phạt bổ sung bị cáo số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng sung Ngân sách Nhà nước.

Căn cứ điểm a khoản 2, khoản 5 Điều 194; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 50 và Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim T1 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh”. Thời hạn tù tính từ ngày 21/8/2021.

Phạt bổ sung bị cáo số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng sung Ngân sách Nhà nước.

Căn cứ Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

Tịch thu tiêu hủy: 37 hộp (loại 02 vi/10viên/01 hộp) thuốc thành phẩm nhãn hiệu Neo-Codion, xuất xứ Pháp; 30 vi (loại 10 viên/vi) thuốc thành phẩm nhãn hiệu Neo-Codion; 33 hộp (loại 10 vi/04 viên/01 hộp) thuốc thành phẩm nhãn hiệu Efferalgan Codeine; 27 hộp (loại 02 vi/07 viên/01 hộp) thuốc thành phẩm nhãn hiệu Augmentin, xuất xứ Bỉ; 147 hộp (loại 10 viên/01 hộp) thuốc thành phẩm nhãn hiệu Zinnat Tablets 500mg, xuất xứ Anh; 247 hộp (06 ống tiêm/01 hộp) thuốc thành phẩm nhãn hiệu Laroscorbine, xuất xứ Pháp; 37 hộp (01 viên/01 hộp)

thuốc thành phẩm nhãn hiệu Fugacar, xuất xứ Bỉ; 492 hộp (12 ống tiêm/01 hộp) thuốc thành phẩm nhãn hiệu Becozyme, xuất xứ Pháp; 27 hộp (loại 20 viên/01 hộp) thuốc thành phẩm nhãn hiệu Solupred, xuất xứ Maroc; 2,5kg vỏ hộp đề nhãn hiệu thuốc Fugacar; 03kg vỏ hộp đề nhãn hiệu thuốc Becozyme; 01kg vỏ hộp đề nhãn hiệu thuốc Neo-Codion; 01kg vỏ hộp đề nhãn thuốc Laroscorbine; 148 hộp thuốc tân dược nhãn hiệu Terpincodein của Công ty USA-NIC Pharma Co., LTD; 100 lọ thuốc nhãn hiệu Staragan 500; 50 lọ thuốc Staragan đã bóc nhãn hiệu; 05 lọ thuốc viên nang màu đỏ vàng nhãn hiệu Dianfagic (thành phẩm); 03 hộp son được niêm phong trong 01 thùng carton có chữ ký niêm phong của Điều tra viên Trần Ngọc S1 và bị cáo Nguyễn Đức T; 02 bản in lựa hiệu Fugacar; 50 kg vỏ hộp, tem, hướng dẫn sử dụng của các loại thuốc Terneurine H.500, Neutrivit 5000, Fugaca, Vincozyn, Neo-Tergynan, Tanginil 500mg, Neo-Codion, Dianfagic, Terpincodein được niêm phong trong 11 thùng carton có chữ ký của Điều tra viên Trần Ngọc S1 và bị cáo Nguyễn Đức T; 2,5 viên thuốc màu trắng không nhãn hiệu, được niêm phong có chữ ký xác nhận của Nguyễn Đức T.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 02 máy ép nhiệt; 01 máy đóng date; 01 ổ cứng máy vi tính, được niêm phong có chữ ký xác nhận của Nguyễn Thị Kim T1; 01 điện thoại di động Samsung, được niêm phong có chữ ký xác nhận của Nguyễn Đức T và Điều tra viên Phạm Thành C1; 01 điện thoại di động Iphone, được niêm phong có chữ ký xác nhận của Nguyễn Thị Kim T1 và Điều tra viên Phạm Thành C1; 01 điện thoại di động Samsung, được niêm phong có chữ ký xác nhận của Dương Quốc C và Điều tra viên Phạm Thành C1; Số tiền 30.500.000 (ba mươi triệu năm trăm ngàn) đồng; 01 xe gắn máy biển số 51R7-40xx.

Trả lại cho bà Vy Thị Hồng N 01 điện thoại di động Samsung, được niêm phong có chữ ký xác nhận của Vy Thị Hồng N và Điều tra viên Phạm Thành C1.

(Theo Công văn số: 2861/CTHADS-KHTC ngày 27/02/2023 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh; Phiếu nhập kho vật chứng số: 351/PNK/2021 ngày 23/9/2021; Phiếu nhập kho vật chứng số: 410/PNK/2021 ngày 02/11/2021 tại Kho Vật chứng thuốc Phòng Cảnh sát Thi hành án hình sự & hỗ trợ tư pháp Công an Thành phố Hồ Chí Minh; Giấy nộp tiền mặt lập ngày 08/12/2021 và Giấy nộp tiền lập ngày 31/8/2022 nộp vào tài khoản 3949.0.9058778.00000 tại Kho bạc Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh).

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo xin xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo xin xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

NỘI DUNG ÁN LỆ

“[8] Bị cáo Nguyễn Thị Kim T1 có hành vi in ấn, cung cấp bao bì, tem nhãn, vỏ hộp thuốc nhãn hiệu Dianfagic, Terpincodein, Laroscorbine, Becozyme không

đúng quy định của pháp luật về in ấn tại Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 cho Nguyễn Đức T, giúp sức cho T thực hiện hành vi sản xuất, buôn bán thuốc tân dược giả để hưởng lợi bất chính số tiền 10.500.000 đồng. ”.

“[20] Bị cáo Nguyễn Thị Kim T1 giữ vai trò đồng phạm giúp sức với Nguyễn Đức T trong hành vi sản xuất, buôn bán thuốc tân dược giả nhãn hiệu Terpincodein, Dianfagic, Laroscobine. Hội đồng xét xử nhận thấy, mặc dù bị cáo Nguyễn Thị Kim T1 không bàn bạc, thỏa thuận với Nguyễn Đức T, Dương Quốc C về quy trình, cách thức sản xuất, buôn bán thuốc tân dược giả nhưng số tem, nhãn, bao bì mà Nguyễn Thị Kim T1 in và cung cấp cho Nguyễn Đức T là một bộ phận cấu thành nên thuốc tân dược giả thành phẩm mà T và C sản xuất. Mặt khác, bị cáo T1 đã nhiều lần nhận đặt in, sản xuất tem nhãn, bao bì thuốc tân dược giả cho T. Mỗi lần T đặt hàng, T1 đều không yêu cầu cung cấp giấy tờ chứng minh nguồn gốc hợp pháp của thuốc mà chỉ đạo nhân viên thực hiện việc thiết kế, in ấn ngay theo yêu cầu của T nên giữa các bị cáo thể hiện sự thống nhất ý chí với nhau khi cùng thực hiện tội phạm. Do đó, bị cáo T1 phạm tội thuộc trường hợp “có tổ chức” là tình tiết định khung tăng nặng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tuy nhiên, quá trình lượng hình hội đồng xét xử cũng cân nhắc, xem xét tính chất, vai trò đồng phạm của bị cáo T1 theo quy định tại Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.”